

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đạt Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đậu Cao Nhu.

2. Bà Trịnh Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn M, sinh năm 1959 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Kim N, sinh năm 1978 (tên gọi khác Lê Thị N) - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và Chị Lê Kim N (tên gọi khác Lê Thị N) quen biết từ tháng 01/1997. Hai người tìm hiểu đến tháng 7/1997 thì tổ chức lễ cưới, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Ngày 30 tháng 12 năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường và sinh sống làm ăn tại tỉnh Kiên Giang đến cuối năm 2009 thì chuyển về sống tại xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Đến tháng 7/2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng, chị N bỏ nhà đi và để con Hồ Văn P đi cùng cho tới nay; thỉnh thoảng chị N có gọi điện về thăm con Hồ Văn Tấn L nhưng không cho biết địa chỉ nơi ở.

Nay ông xét thấy không còn tình cảm với Chị Lê Kim N (tên gọi khác Lê Thị N) nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và Chị Lê Kim N có hai con chung là: Hồ Văn P, sinh ngày 31/12/1997 (đi cùng chị N) và Hồ Văn Tấn L, sinh ngày 03/3/2004. Hiện nay con Hồ Văn P đã đủ 18 tuổi trưởng thành, ở với ai là quyền của con; con Hồ Văn Tấn L đang sống với ông. Ly hôn ông có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con Hồ Văn Tấn L, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ, phí Tòa án.

Về tình cảm: Xử cho ông Hồ Văn M ly hôn với Chị Lê Kim N.

Về con chung: Đề nghị giao Hồ Văn Tấn L, sinh ngày 03/3/2004 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N do ông M không yêu cầu; Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc ông M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng: Ông Hồ Văn M yêu cầu ly hôn, tranh chấp về con chung với Chị Lê Kim N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Chị Lê Kim N đăng ký hộ khẩu tại Thôn T, xã N, huyện P, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn Chị Lê Kim N đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Do đó, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt Chị Lê Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn M và Chị Lê Kim N chung sống với nhau từ tháng 01/1997, đến ngày 30/12/2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Việc kết hôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn căng thẳng; Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2012 cho tới nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm chứng tỏ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên xử cho ông Hồ Văn M được ly hôn với Chị Lê Kim N (tên gọi khác Lê Thị N).

- Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau ông M, chị N có 02 con chung là: Hồ Văn P, sinh ngày 31/12/1997; Hồ Văn Tấn L, sinh ngày 03/3/2004. Hiện nay Hồ Văn P đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên miễn xét. Đối với Hồ Văn Tấn L hiện

nay cháu đang sống với ông M, nguyện vọng của cháu xin được ở với bố. Quá trình giải quyết ly hôn ông M có yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng, nên giao cháu Hồ Văn Tấn L cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Chị Lê Kim N, do ông M không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Ông Hồ Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 40, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Cho ông Hồ Văn M được ly hôn với Chị Lê Kim N (tên gọi khác Lê Thị N).

- Về con chung: Giao con chung Hồ Văn Tấn L, sinh ngày 03/3/2004 cho ông Hồ Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Chị Lê Kim N, do ông Hồ Văn M không yêu cầu.

Chị Lê Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Hồ Văn M phải chịu 300.000^d(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003081 ngày 28/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Dương Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP-TA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Đạt Nghiệm